TAND HUYỆN TÂN UYÊN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2023QĐST-DS	*Tân Uyên, ngày 22 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quàng Văn S, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ dân phố O, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- Bà Quàng Thị L, sinh năm 1962

Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nghĩa vụ trả tiền: Bị đơn ông Nguyễn Kim T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quàng Văn S.

Ông Nguyễn Kim T và bà Trần Thị H tự nguyện liên đới trả cho ông Quàng Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị L số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*). Trong đó ông Nguyễn Kim T có trách nhiệm trả cho ông Quàng Văn S và bà Quàng Thị L số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*); bà Trần Thị H có trách nhiệm trả cho ông Quàng Văn S và bà Quàng Thị L số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

2. Về thời hạn, phương thức trả tiền:

* Về thời hạn trả tiền:

- Đối với ông Nguyễn Kim T:

+ Ngày 10/12/2023 trả số tiền 3.000.000 (*Ba triệu đồng*).

+ Ngày 10/12/2024 trả số tiền 6.000.000 (*Sáu triệu đồng*).

- Đối với bà Trần Thị H:

+ Ngày 01/9/2023 trả số tiền 3.000.000 (*Ba triệu đồng*).

* Về phương thức trả tiền: Trả bằng tiền mặt.

3. Về án phí:

Nguyên đơn ông Quàng Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó ông Quàng Văn S phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) và bà Quàng Thị L phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Ông Quàng Văn S tự nguyện chịu thay phần án phí mà bà Quàng Thị L phải chịu. Tổng cộng ông Quàng Văn S phải chịu là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bị đơn ông Nguyễn Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó ông Nguyễn Kim T phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) và bà Trần Thị H phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Ông Nguyễn Kim T tự nguyện chịu thay phần án phí mà bà Trần Thị H phải chịu. Tổng cộng ông Nguyễn Kim T phải chịu là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Xác nhận ông Quàng Văn S đã nộp 375.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2021/0001491 ngày 12 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho ông Quàng Văn S số tiền 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Kim T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T, tỉnh Lai Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Văn Thanh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).